

Bản án số: 151 /2017/HSST
Ngày: 03/11/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Hồng Chiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vương Minh Tân

2. Bà Lê Thị Thảo

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Vũ Đức Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Khánh Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 11 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 151/2017/HSST ngày 11 tháng 10 năm 2017 đối với các bị cáo:

1/ **Nguyễn Văn H**, sinh ngày 14/10/1989 tại huyện S, thành phố Hà Nội;

Nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; dân tộc: Kinh; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Trương Thị X, sinh năm 1952; vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không.

Tiền án: - Ngày 21/01/2014 bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù, về tội: Trộm cắp tài sản, giá trị tài sản trộm cắp là 120.000.000 đồng (Bản án số 32/2014/HSST); chấp hành xong hình phạt tù ra trại ngày 27/3/2017.

- Ngày 21/11/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 08 tháng tù, về tội: Trộm cắp tài sản, giá trị tài sản trộm cắp là 3.420.000 đồng (Bản án số 42/2011/HSST);

- Ngày 15/7/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 06 tháng tù, về tội: Trộm cắp tài sản, giá trị tài sản trộm cắp là 3.439.000 đồng (Bản án số 34/2011/HSST);

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/7/2017, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

2/ **Lê Văn H1**, sinh ngày 15/6/1988 tại tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; dân tộc: Kinh; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: Không; con ông Lê Văn P, sinh năm 1962 và bà Đào Thị N, sinh năm 1962; vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 21/01/2014 bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù, về tội: Trộm cắp tài sản, giá trị tài sản trộm cắp là 120.000.000 đồng (Bản án số 32/2014/HSST); chấp hành xong hình phạt tù ra trại ngày 29/4/2016.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/7/2017, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

*** Những người bị hại:**

1. Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1967

Địa chỉ: Xóm M, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

2. Chị Nguyễn Hải H, sinh năm 1973

Địa chỉ: tổ H, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt);

3. Anh Ninh Văn T, sinh năm 1974

Địa chỉ: Xóm D, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (có mặt)

4. anh Nguyễn Duy K, sinh năm 1991

Địa chỉ: tổ N, phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

NHẬN THẤY

Các bị cáo Nguyễn Văn H và Lê Văn H1 bị Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang truy tố về hành vi phạm tội như sau: Trong thời gian tháng 6,7/2017, tại địa bàn thành phố Tuyên Quang các bị cáo H và H1 đã có hành vi 04 lần trộm cắp xe mô tô, cụ thể:

Lần 1: Khoảng 12 giờ ngày 11/6/2017, các bị cáo H và H1 đi xe mô tô nhãn hiệu HONDA loại WAVE (xe trộm cắp trước đó tại Km 31 đường Tuyên Quang- Hà Giang) từ nhà nghỉ thuê ở huyện Đ, tỉnh Phú Thọ lên thành phố Tuyên Quang trộm cắp tài sản. Khi đến quán ăn Mạnh Hoạch thuộc tổ 35, phường T, thành phố T, phát hiện trước cửa quán có xe mô tô hiệu HONDA loại WAVE biển kiểm soát 22B1-694.74 của anh Nguyễn Văn A. không có người trông coi. H1 dừng xe, H đi bộ đến thấy chìa khóa vẫn ở ổ khóa, H nổ máy phóng xe đi và cả hai đi về huyện Đ, tỉnh Phú Thọ cất giấu. Sáng 12/6/2017 cả hai mang xe trộm cắp được theo xe khách của nhà xe Q. vào tỉnh Bình Dương, đến nơi H1 liên hệ với Nguyễn Thị Th. (sinh năm 1967, trú tại Ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh) nhờ Th. bán hộ được 9.800.000 đồng. Th. lấy 800.000 đồng tiền công, số tiền còn lại cả hai chia nhau và ăn tiêu hết. Xe Th. bán sang CamPuChia nên không thu hồi được. Anh Nguyễn Văn A. yêu cầu các bị cáo phải bồi thường giá trị xe là 15.000.000 đồng

Tại kết luận định giá số 80/KLĐG ngày 24/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Tuyên Quang kết luận: xe mô tô biển kiểm soát 22B1-694.74 của anh Nguyễn Văn A. có giá trị **11.250.000** đồng (mười một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Lần 2: Khoảng 18 giờ 30 ngày 14/7/2017 các bị cáo H và H1 đi xe mô tô nhãn hiệu HONDA loại AIRBLADE biển kiểm soát 22B1- 597.76 (xe của bà Trương Thị X. là mẹ đẻ H.) đến quán nước gần cây xăng Cầu Đen, thuộc tổ H, phường T, thành phố T, phát hiện thấy xe mô tô biển kiểm soát 22B1-597.67 của chị Nguyễn Hải H. không có người trông coi, H. đi mô tô trước, H1 đi bộ sau, dùng vạm phá khóa xe rồi nổ máy phóng đi và cả hai đi về nhà H1 cất giấu.

Tại kết luận định giá số 91/KLĐG ngày 02/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Tuyên Quang kết luận: xe mô tô biển kiểm soát 22B1-597.67 của chị Nguyễn Hải H. có giá trị **11.326.700** đồng (mười một triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm đồng).

Lần 3: Khoảng 12 giờ ngày 15/7/2017 các bị cáo H và H1 tiếp tục đi xe mô tô nhãn hiệu HONDA loại AIRBLADE biển kiểm soát 22B1- 597.76 từ huyện H. Tỉnh Tuyên Quang xuống thành phố Tuyên Quang, đến khu vực Trung tâm thương mại Wincom (thuộc tổ B, phường P,) phát hiện xe mô tô biển kiểm soát 22B1-377.30 của anh Ninh Văn T. không có người trông coi. H. dừng xe, H1 đi bộ đến dùng vạm phá khóa xe rồi nổ máy phóng đi, sau đó cả hai mang xe về cất giấu tại nhà H. Sáng 16/7/2017 cả hai mang 02 xe mới trộm cắp được gửi xe khách của nhà xe Q. vào tỉnh Bình Dương. H1 gọi điện thoại cho Hoàng Ngọc D. (sinh năm 1994, trú tại xóm B, xã B, thị xã T, tỉnh Bình Dương) nhờ lấy hộ. Ngày 20/7/2017 Cơ quan điều tra đã tạm giữ 02 xe mô tô trên và sau đó đã trả cho chị Nguyễn Hải H. và anh Ninh Văn T, cả 2 không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại kết luận định giá số 95/KLĐG ngày 02/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Tuyên Quang kết luận: xe mô tô biển kiểm soát 22B1-377.30 của anh Ninh Văn T có giá trị **9.708.600** đồng (chín triệu bảy trăm linh tám nghìn sáu trăm đồng).

Lần 4: Khoảng 9 giờ ngày 19/7/2017, sau khi lấy xe mô tô nhãn hiệu HONDA loại WAVE gửi tại nhà xe Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang (*xe trộm cắp trước đó tại Km 14 đường Tuyên Quang- Hà Giang*) các bị cáo H và H1 đến Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Tuyên Quang thuộc tổ M, phường M, thành phố T. Phát hiện trên vỉa hè có 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA loại WAVE biển kiểm soát 22B2-065.75, trong cốp có 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J5 của anh Nguyễn Duy K. không có người trông coi. H1 dừng xe, H. đi bộ đến dùng vạm phá khóa rồi phóng xe đi, sau đó cả hai mang xe về nhà H. cất. Hồi 18 giờ 20 phút cùng ngày Cơ quan điều tra đã thu hồi xe mô tô và chiếc điện thoại di động nói trên và đã trả lại cho anh K., anh K. không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại kết luận định giá số 88/KLĐG ngày 25/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Tuyên Quang kết luận: xe mô tô biển kiểm soát 22B2-065.75 của anh Nguyễn Duy K có giá trị 15.371.950 đồng, điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J5 có giá trị 3.819.050 đồng, tổng cộng **19.191.000** đồng (mười chín triệu một trăm chín mươi một nghìn đồng)

Tổng giá trị tài sản các bị cáo H và H1 chiếm đoạt trên địa bàn hành phố T, tỉnh Tuyên Quang là **51.476.300 đồng** (*Năm mươi một triệu năm trăm sáu mươi sáu ngàn ba trăm đồng*).

Tại bản Cáo trạng số 155/QĐ-KSĐT, ngày 11 tháng 10 năm 2017, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H. về tội: Trộm cắp tài sản, theo điểm c, e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự; bị cáo Lê Văn H1 về tội: Trộm cắp tài sản, theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

* Tại phiên tòa, kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H. và Lê Văn H1 phạm tội Trộm cắp tài sản.

- Áp dụng điểm c, e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H. từ **36** (ba mươi sáu) đến **42** (bốn mươi hai) tháng tù.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; đoạn 2 điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn H1 từ **30** (ba mươi) đến **36** (ba mươi sáu) tháng tù

- Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 587, 589, 357 Bộ luật dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và người bị hại anh Nguyễn Văn A. tại phiên tòa cụ thể: Các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường giá trị chiếc xe mô tô cho anh Nguyễn Văn A. là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), chia ra mỗi bị cáo bồi thường $\frac{1}{2}$ là 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Những người bị hại khác đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập xem xét.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc các bị cáo phải chịu án phí, lãi suất của số tiền bồi thường nếu chậm nộp và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo, người bị hại.

XÉT THẤY

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn H. và Lê Văn H1 thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã quy kết. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn được thể hiện qua lời khai của người bị hại, người làm chứng; kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ các chứng cứ trên đây đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 11/6/2017 đến ngày 19/7/2017 trên địa bàn thành phố Tuyên Quang, Nguyễn Văn H. và Lê Văn H1 đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản trộm cắp là **51.476.300 đồng** (*Năm mươi một triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm đồng*) cụ thể:

+ Khoảng 12 giờ ngày 11/6/2017, tại tổ 35, phường T, thành phố T, các bị cáo H và H1 đã có hành vi trộm cắp xe mô tô biển kiểm soát 22B1-694.74 trị giá **11.250.000** đồng (mười một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) của anh Nguyễn Văn A.

+ Khoảng 18 giờ ngày 14/7/2017, tại tổ H, phường T, thành phố T, các bị cáo H và H1 đã có hành vi trộm cắp xe mô tô biển kiểm soát 22B1-597.67 trị giá **11.326.700** đồng (mười một triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm đồng) của chị Nguyễn Hải H.

+ Khoảng 12 giờ ngày 15/7/2017, tại tổ B, phường P, các bị cáo H và H1 đã có hành vi trộm cắp xe mô tô biển kiểm soát 22B1-377.30 trị giá **9.708.600** đồng (chín triệu bảy trăm linh tám nghìn sáu trăm đồng) của anh Ninh Văn T.

+ Khoảng 9 giờ Ngày 19/7/2017, tại tổ M, phường MM, thành phố T, các bị cáo H và H1 đã có hành vi trộm cắp xe mô tô biển kiểm soát 22B2-065.75 trị giá 15.371.950 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J5 trị giá 3.819.050 đồng, tổng cộng **19.191.000** đồng (mười chín triệu một trăm chín mươi một nghìn đồng) của anh Nguyễn Duy K.

Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây bất bình trong quần chúng nhân dân và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi ở giai đoạn đã hoàn thành với lỗi cố ý, vì mục đích vụ lợi, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt hơn 50 triệu đồng. Sau khi phạm tội các bị cáo mang tài sản đi nơi khác tiêu thụ gây khó khăn cho quá trình điều tra, truy tố và xét xử. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự là có căn cứ chấp nhận. Do vậy, cần phải xử các bị cáo mức án nghiêm khắc tương xứng hành vi phạm tội thì mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Trong vụ án này các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, không có tổ chức. Trong đó bị cáo Hằng là người mang theo vạm phá khóa và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp xe, bị cáo H. là người điều khiển xe mô tô chở bị cáo H1 đi và cảnh giới cho H. Do vậy, vai trò của các bị cáo được xác định là ngang nhau.

- Xét về nhân thân các bị cáo thấy rằng, bị cáo H1 đã bị xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích, lần phạm tội này là tái phạm quy định tại đoạn 2 điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo H1 phải chịu.

Bị cáo H. đã 03 lần bị xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”, tại bản án số 32/2014/HSST ngày 21/01/2014 Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh đã xác định bị cáo H. phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp đã tái phạm chưa được xóa án tích mà còn phạm tội mới nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Trộm cắp tài sản với tình tiết định khung “tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự như bản Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang truy tố đối với bị cáo là có cơ sở. Do vậy, cần xử bị cáo H. mức án cao hơn bị cáo H1 là phù hợp.

Các bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, giá trị từng lần đều đủ định lượng chịu trách nhiệm hình sự. Nhưng do đã cộng giá trị các lần Trộm cắp để xét xử theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần” đối với các bị cáo.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho các bị cáo để lên mức án cho phù hợp.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định các bị cáo không có tài sản có giá trị nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại chị Nguyễn Hải H, anh Nguyễn Duy K. và anh Ninh Văn T. đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa các bị cáo và người bị hại anh Nguyễn Văn A. đã thỏa thuận việc bồi thường dân sự với nhau cụ thể: Các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường giá trị chiếc xe mô tô cho anh A. là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), chia ra mỗi bị cáo bồi thường $\frac{1}{2}$ là

7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Xét sự thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận.

- Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo H. 01 thanh kim loại màu đen, hình chữ T, chiều dài 9,3cm, chiều rộng 8,5cm, một đầu được mài dẹt, đây là công cụ phạm tội của bị cáo không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với chị Nguyễn Thị Th. có hành vi bán xe mô tô hộ các bị cáo; anh Hoàng Ngọc D. có hành vi nhận 02 xe mô tô hộ các bị cáo; nhà xe khách Q. chở xe mô tô hộ các bị cáo từ tỉnh Tuyên Quang vào tỉnh Bình Dương nhưng không biết xe mô tô do các bị cáo phạm tội mà có; Cơ quan điều tra không đề cập xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với bà Trần Thị X. (mẹ đẻ bị cáo H.) chủ xe mô tô HONDA loại AIRBLADE biển kiểm soát 22B1- 597.76. Khi cho bị cáo H. mượn xe mô tô đi bà X. không biết hằng dùng xe làm phương tiện phạm tội; Cơ quan điều tra không đề cập xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm và lãi suất của khoản tiền bồi thường nếu chậm nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Lê Văn H1 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1. Áp dụng điểm c, e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H. **03** (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (19/7/2017).

2. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; đoạn 2 điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Văn H1 **02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (19/7/2017).

3. Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589, 357 Bộ luật dân sự:

Công nhận sự thỏa thuận về trách nhiệm bồi thường dân sự giữa các bị cáo và người bị hại cụ thể như sau: Các bị cáo có nghĩa vụ liên đới bồi thường giá trị chiếc xe mô tô cho anh Nguyễn Văn A. là **15.000.000** đồng (mười lăm triệu đồng), chia ra mỗi bị cáo bồi thường $\frac{1}{2}$ là **7.500.000** đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng)

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải chịu lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 41 Bộ luật hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 thanh kim loại màu đen, hình chữ T, chiều dài 9,3cm, chiều rộng 8,5cm, một đầu được mài dẹt là công cụ phạm tội không có giá trị sử dụng.

Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thành phố Tuyên Quang và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang ngày 13/10/2017.

5. Áp dụng các Điều 99, 231, 234 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Các bị cáo Nguyễn Văn H, Lê Văn H1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, 375.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng 575.000 đồng (*năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm.

- Các bị cáo, người bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp. Tuyên Quang (02 bản);
- Công an thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- Sở Tư pháp TQ;
- Những người tham gia tố tụng ;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu TA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Hồng Chiến